

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	502	212	160	130
1	Tốt: (tỷ lệ so với tổng số)	415 82,7%	162 76,4%	138 86,3%	115 88,5%
2	Khá: (tỷ lệ so với tổng số)	61 12,2%	34 16,0%	14 8,8%	13 10,0%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24 4,8%	14 6,6%	8 4,9%	2 1,5%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,3%	2 1,0%	0 0%	0 0%
II	Số học sinh chia theo học lực	502	212	160	130
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	12 2,4%	1 0,5%	6 3,8%	5 3,8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	264 52,6%	90 42,5%	72 45,0%	102 78,5%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	199 39,6%	104 49,1%	72 45,0%	23 17,7%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	21 4,2%	13 6,1%	8 5,0%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	6 1,2%	4 1,8%	2 1,2%	0 0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	502	212	160	130
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	486 96,8	202 95,3	154 96,3	130 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	12 2,4%	1 0,5%	6 3,8%	5 3,8%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	263 52,4%	88 41,5%	70 43,8%	101 77,7%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	21	13	8	0

		4,2%	6,1%	5,0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	16 3,2%	10 7,5%	6 3,8%	0 0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	04 0,8%	03 1,4%	01 0,6%	0 0%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	15 3,0%	11 5,2%	4 2,5%	0 0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	01	01	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	130			130
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	130			130
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5 3,8%			5 3,8%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	102 78,5%			102 78,5%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	23 17,7%			23 17,7%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	20 15,4%			20 15,4%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	329/173	139/73	100/60	90/40
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	496	209	157	130

Điện Biên Đông, ngày 27 tháng 9 năm 2022



Trần Đình Quang

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	12
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS tốt nghiệp THCS từ loại trung bình trở lên, xét tuyển trên địa bàn 5 xã Điện Biên Đông và các vùng phụ cận; thực hiện theo Điều lệ trường trung học và Hướng dẫn của Sở GD&ĐT Điện Biên	- Học sinh hoàn thành xếp loại học lực TB, hạnh kiểm trung bình trở lên; hoàn thành thi lại các môn học và rèn luyện đạo đức (nếu có) theo quy định của chương trình lớp 10.	- Học sinh hoàn thành xếp loại học lực TB, hạnh kiểm trung bình trở lên; hoàn thành thi lại các môn học và rèn luyện đạo đức (nếu có) theo quy định của chương trình lớp 11.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Biên chế tuần thực học 35 tuần - Thực hiện chương trình giáo dục, SGK cơ bản hiện hành, có sự điều chỉnh theo chương trình phát triển năng lực, phẩm chất học sinh	- Biên chế tuần thực học 35 tuần - Thực hiện chương trình giáo dục, SGK cơ bản hiện hành, có sự điều chỉnh theo chương trình phát triển năng lực, phẩm chất học sinh	- Biên chế tuần thực học 35 tuần - Thực hiện chương trình giáo dục, SGK cơ bản hiện hành, có sự điều chỉnh theo chương trình phát triển năng lực, phẩm chất học sinh
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường và các chuẩn mực xã hội	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường và các chuẩn mực xã hội	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường và các chuẩn mực xã hội
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức hoạt động giáo dục NGLL, Hướng nghiệp, Trải nghiệm sáng tạo, lao động công ích, các hoạt động VHVN-TDTT, tư vấn	Tổ chức hoạt động giáo dục NGLL, Hướng nghiệp, Trải nghiệm sáng tạo, lao động công ích, các hoạt động	Tổ chức hoạt động giáo dục NGLL, Hướng nghiệp, Trải nghiệm sáng tạo, lao động công ích, các hoạt động VHVN-TDTT, tư

			VHVN-TDĐT, tư vấn	vấn
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm 92,4% Khá, Tốt - Học lực + Khá, giỏi: 43,0% + TB: trên 49,1% + Yếu: dưới 6,1% + Kém dưới 1,8% - Sức khỏe: + Tốt: 80% + Khá: 20%	- Hạnh kiểm 95,1% Khá, Tốt - Học lực + Khá, giỏi: 48,8% + TB: trên 45% + Yếu: dưới 5,0% + Kém: dưới 1,2% - Sức khỏe: + Tốt: 85% + Khá: 15%	- Hạnh kiểm 98,5% Khá, Tốt - Học lực + Khá, giỏi: 82,3% + TB: trên 17,7% + Yếu dưới 0% + Kém 0% - Sức khỏe: + Tốt: 90% + Khá: 10%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	- 14% tiếp tục học các trường CĐ, ĐH - 50% tiếp tục học nghề - 36% lao động sản xuất

Điện Biên Đông, ngày 27 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đình Quang